

Số: 18/TB-HĐTD

Phong Thỏ, ngày 20 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển dụng giáo viên năm 2023

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Phong Thỏ về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng giáo viên năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2023 thông báo kết quả, như sau:

1. Điều kiện trúng tuyển (thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2022), cụ thể:

a. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển dụng giáo viên phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2022 (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại mục a bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

c. Người không trúng tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

2. Kết quả tuyển dụng giáo viên năm 2023:

- Số thí sinh đủ điều kiện xét tuyển 75 thí sinh. Số thí sinh đến tham gia xét tuyển: 61 thí sinh; số thí sinh không tham gia xét tuyển: 14 thí sinh.

- Số thí sinh trúng tuyển: 38 thí sinh:

+ Giáo viên Mầm non: 20 thí sinh.

+ Giáo viên Tiểu học: 02 thí sinh.

+ Giáo viên Trung học cơ sở: 16 thí sinh.

- Số thí sinh không trúng tuyển: 23 thí sinh.

(có danh sách kèm theo)

- Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2.

3. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng: Thí sinh trúng tuyển phải đến UBND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, gồm:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy khám sức khỏe được cơ sở y tế cấp huyện trở lên chứng nhận (trong 06 tháng trở lại đây).

3.2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận:

- Thời gian: Từ ngày 01/10 đến 30/10/2023.

- Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Hữu Nghị, Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0213.3896.595.

- Quá thời gian trên trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch UBND huyện Phong Thổ ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

- Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì UBND huyện thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện Phong Thổ và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Thông báo này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử huyện Phong Thổ và thông báo tới người trúng tuyển./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Mai Thị Hồng Sim**

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN DỰNG GIÁO VIÊN NĂM 2023
VTVL: GIÁO VIÊN NĂM NON HẠNG III

Kèm theo Thông báo số 18/TB-HDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2023)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ	Chuyên ngành	Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
1	MN01	Đỗ Thị Thanh Mai	25/10/2001	Nữ	Kinh		Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
2	MN02	Vàng Thị Nguyệt	22/03/2002	Nữ	Thái	DTTS	Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	71,0	5,0	76,0	Trúng tuyển
3	MN03	Nguyễn Thị Hằng	23/10/1989	Nữ	Kinh		Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	65,0		65,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
4	MN04	Lò Thanh Kiều	10/05/1996	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	60,5	5,0	65,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
5	MN05	Đèo Thị Hiệu	10/11/1990	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	75,0	5,0	80,0	Trúng tuyển
6	MN06	Giăng Thị Hằng	05/05/2000	Nữ	Thái	DTTS	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	64,5	5,0	69,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
7	MN07	Lò Thị Thủy	02/04/2001	Nữ	Thái	DTTS	Xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	62,0	5,0	67,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
8	MN08	Phé Thị Sáo	07/03/2001	Nữ	Mông	DTTS	Xã Sùng Phai, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	72,5	5,0	77,5	Trúng tuyển
9	MN09	Vương Thị Hương Giang	04/05/1999	Nữ	Thái	DTTS	Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	70,0	5,0	75,0	Trúng tuyển
10	MN10	Lò Thị Ngân	10/03/1995	Nữ	Thái	DTTS	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Đại học	Giáo dục mầm non	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
11	MN11	Vàng Thị Quỳnh	20/02/2002	Nữ	Giáy	DTTS	Phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	50,5	5,0	55,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
12	MN12	Nông Thị Vầy	06/02/1990	Nữ	Giáy	DTTS	Xã San Thàng, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ	Chuyên ngành	Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
13	MN13	Tông Thị Huệ	11/09/1996	Nữ	Giáy	DTTS	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	47,5	5,0	52,5	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
14	MN14	Bùi Lưu Ly	15/09/2001	Nữ	Kinh		Xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	87,5		87,5	Trúng tuyển
15	MN15	Cầm Thị Sâm	12/10/2001	Nữ	Thái	DTTS	Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
16	MN16	Nông Bích Ngọc	02/11/2000	Nữ	Thái	DTTS	Xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	79,3	5,0	84,3	Trúng tuyển
17	MN17	Chữ Thị Lan Anh	03/12/1998	Nữ	Kinh		Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	55,5		55,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
18	MN18	Sùng Thị Si	24/01/2002	Nữ	Mông	DTTS	Xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
19	MN19	Đèo Thị Phụng	11/12/2002	Nữ	Thái	DTTS	Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	71,0	5,0	76,0	Trúng tuyển
20	MN20	Teo Thị Phương	08/10/1993	Nữ	Thái	DTTS	Phường Quyết Tiến, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	89,5	5,0	94,5	Trúng tuyển
21	MN21	Phìn Thị Lệ	29/11/2002	Nữ	Thái	DTTS	Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	56,0	5,0	61,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
22	MN22	Vừ Thị Thương	01/08/2002	Nữ	Mông	DTTS	Xã Khোন On, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	88,5	5,0	93,5	Trúng tuyển
23	MN23	Vàng Thị Nén	18/03/1996	Nữ	Giáy	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	71,0	5,0	76,0	Trúng tuyển
24	MN24	Máo Thị Định	13/12/1993	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	82,5	5,0	87,5	Trúng tuyển
25	MN25	Vàng Thị Hương	09/03/1990	Nữ	Thái	DTTS	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	71,0	5,0	76,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ	Chuyên ngành	Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
26	MN26	Cà Thị Mai	18/06/2002	Nữ	Thái	DTTS	Xã Hua Thanh, Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	70,0	5,0	75,0	Trúng tuyển
27	MN27	Mãng Thị Nhung	20/12/1998	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	82,5	5,0	87,5	Trúng tuyển
28	MN28	Vàng Thị Thiệp	28/07/1992	Nữ	Thái	DTTS	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69,0	5,0	74,0	Trúng tuyển
29	MN29	Mào Thị Đông	25/09/1995	Nữ	Thái	DTTS	Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	53,5	5,0	58,5	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
30	MN30	Sùng Thị Mua	13/11/2002	Nữ	Mông	DTTS	Xã Pu Nhi, Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
31	MN31	Lê Thị Thu Huyền	06/11/2002	Nữ	Kinh		Phường Quyết Tiến, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	74,0		74,0	Trúng tuyển
32	MN32	Lù Thị Ngọc Thảo	19/06/2000	Nữ	Thái	DTTS	Xã Nà Tầm, Huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
33	MN33	Lò Thị Linh	06/06/1987	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
34	MN34	Chu Ha Dứ	10/06/2002	Nữ	Hà Nhì	DTTS	Xã Thum Lũm, huyện Mường Tè, Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	72,5	5,0	77,5	Trúng tuyển
35	MN35	Chèo Mi Khé	12/12/1993	Nữ	Dao	DTTS	Khu 7 Đại Phạm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	75,0	5,0	80,0	Trúng tuyển
36	MN36	Hờ Thị Cánh	20/01/1999	Nữ	Mông	DTTS	Xã Chế Cu Nha, Huyện Mường Chai, Yên Bái	Đại học	Giáo dục mầm non	65,0	5,0	70,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
37	MN37	Sé Thị Hạnh	29/01/2002	Nữ	Giáy	DTTS	Xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	55,0	5,0	60,0	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
38	MN38	Lò Thị Chá	17/08/1994	Nữ	Giáy	DTTS	Xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
39	MN39	Đặng Thị Như	02/10/1995	Nữ	Kinh	Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	83,0	5,0	88,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ	Chuyên ngành	Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
40	MN40	Lưu Thị Tuyết	17/03/1997	Nữ	Giáy	DTTS	Xã Bán Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	89,0	5,0	94,0	Trùng tuyển
41	MN41	Lý Thị Thuần	02/08/1992	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	39,5	5,0	44,5	Không trùng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
42	MN42	Cử Thị Say	04/04/2000	Nữ	Mông	DTTS	Xã Dào San, Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi
43	MN43	Lù Trang Linh	10/10/2001	Nữ	Thái	DTTS	Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Cao đẳng	Giáo dục mầm non				Bỏ thi

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2023
VTVL: GIÁO VIÊN TIÊU HỌC HẠNG III

Kèm theo Thông báo số 18/TB-HĐTD ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2023)



TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ chuyên môn		Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
								Trình độ	Chuyên ngành				
I		Giáo viên Văn hóa											
I	THVH01	Chang A Cháng	15/04/1997	Nam	Mông	DTTS	Bản Năm Béo, Pu Sam Cáp, Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Giáo dục tiểu học	60	5	65	Trúng tuyển
II		Giáo viên Tin học											
I	THTH01	Trương Thị Hồng	06/11/1989	Nữ	Kinh		Xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Tin học ứng dụng	81		81	Trúng tuyển

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN DỰNG GIÁO VIÊN NĂM 2023
VTVL: GIÁO VIÊN THCS HẠNG III

Kèm theo Thông báo số 18/TB-HĐTD ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2023)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ chuyên môn		Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
								Trình độ	Chuyên ngành				
I	Giáo viên Toán												
1	THCS T01	Nguyễn Thị Hương	05/04/1990	Nữ	Kinh		Xã Điệp Nông huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học	Sư phạm Toán học	64		64	Trúng tuyển
2	THCS T02	Liều A Tòng	15/01/1996	Nam	Mông	DTTS	Xã Ma Quai, huyện Sơn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Toán học	30	5	35	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
3	THCS T03	Trần Thị Hải Yến	23/02/1989	Nữ	Kinh		Xã Minh Quang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học	Sư phạm Toán - Tin (Thạc sỹ Toán học)	55,5		55,5	Trúng tuyển
II	Giáo viên Hóa học												
1	THCS H01	Lò Minh Phương	26/07/1993	Nữ	Thái	DTTS	Xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Hóa học	88	5	93	Trúng tuyển
III	Giáo viên Tin học												
1	THCS TH01	Đình Quang Anh	10/09/1990	Nam	Kinh		Xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ	Đại học	Khoa học máy tính	69		69	Trúng tuyển
2	THCS TH02	Hoàng Thu Hương	24/08/1988	Nữ	Lào	DTTS	Phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Đại học	Công nghệ thông tin	55,5	5	60,5	Trúng tuyển
IV	Giáo viên Sinh học												
1	THCS SH01	Nguyễn Thành Luân	13/11/1995	Nam	Kinh		Phường Thanh Trường, Thành phố Điện Biên	Đại học	Sư phạm Sinh học				Bỏ thi
2	THCS SH02	Nông Thị Xiêm	24/06/1993	Nữ	Giáy	DTTS	Xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	Đại học	Sư phạm Sinh học	81,75	5	86,75	Trúng tuyển
3	THCS SH03	Hoàng Thị Thoa	12/07/1987	Nữ	Kinh		Xã Tráng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Đại học	Sư phạm Sinh học	61		61	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ chuyên môn		Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
							Trình độ	Chuyên ngành				
4	THCS SH04	28/12/1993	Nữ	Kinh		Xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Sinh học	77,25		77,25	Trúng tuyển
V	Giáo viên Ngữ Văn											
1	THCS NV01	05/07/1992	Nam	Sán Dìu	DTTS	Xã Yên Dương, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Văn - Giáo dục công dân	71	5	76	Trúng tuyển
2	THCS NV02	15/06/2001	Nam	Kinh		Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn				Bỏ thi
3	THCS NV03	04/10/1991	Nữ	Kinh		Xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học	Ngữ Văn	79,5		79,5	Trúng tuyển
VI	Giáo viên Lịch sử											
1	THCS LS01	03/03/1992	Nam	Mông	DTTS	Xã Tủa Xin Chải, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Lịch sử	80,5	5	85,5	Trúng tuyển
2	THCS LS02	16/06/1995	Nữ	Thái	DTTS	Xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Lịch sử	51	5	56	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
3	THCS LS03	10/01/1989	Nữ	Kinh		Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Bỏ thi
4	THCS LS04	23/09/1993	Nữ	Thái	DTTS	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Lịch sử	76,5	5	81,5	Trúng tuyển
5	THCS LS05	01/11/2000	Nam	Dao	DTTS	Xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Bỏ thi
6	THCS LS06	09/11/1986	Nam	Mường	DTTS; Con bệnh binh	Xã Mỹ Thuận, Huyện Tây Sơn, tỉnh Phú Thọ	Đại học	Sư phạm Lịch sử	72	5	77	Trúng tuyển
7	THCS LS07	11/09/1998	Nữ	Kinh		Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Bỏ thi
VII	Giáo viên Địa lý											

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Trình độ chuyên môn		Kết quả phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm	Ghi chú
								Trình độ	Chuyên ngành				
1	THCS ĐL01	Đỗ Thị Thu Huyền	01/10/1992	Nữ	Kinh		Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Địa lý	40,5		40,5	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
2	THCS ĐL02	Triệu Văn Cường	15/02/1985	Nam	Dao	DTTS	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Địa lý				Bỏ thi
3	THCS ĐL03	Tần Phan Phù	15/05/1993	Nam	Dao	DTTS	Xã Phăng Xô Lin, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Địa lý	90,5	5	95,5	Trúng tuyển
4	THCS ĐL04	Sùng Thị Si	11/02/1994	Nữ	Mông	DTTS	Xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Sư phạm Địa lý	39,5	5	44,5	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
VIII Giáo viên Giáo dục công dân													
1	THCS CD01	Giảng A Vừ	04/12/1991	Nam	Mông	DTTS	Xã Tủa Sìn Chải, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Đại học	Giáo dục Chính trị	51	5	56	Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu
2	THCS CD02	Lý Hừ De	16/09/1996	Nữ	Hà Nhì	DTTS	Xã Can Hồ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Đại học	Giáo dục Chính trị	82,5	5	87,5	Trúng tuyển
3	THCS CD03	Vũ Thị Phượng	15/03/2000	Nữ	Kinh		Xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Đại học	Giáo dục Chính trị				Bỏ thi
4	THCS CD04	Giảng A Máng	15/02/1993	Nam	Mông	DTTS	Xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo, Điện Biên	Đại học	Giáo dục Chính trị	49,5	5	54,5	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm
5	THCS CD05	Và A Minh	04/06/1998	Nam	Mông	DTTS	Xã Co Tòng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Đại học	Giáo dục Chính trị	77,5	5	82,5	Trúng tuyển
6	THCS CD06	Vừ A Vừ	12/12/1996	Nam	Mông	DTTS	Xã Co Tòng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Đại học	Giáo dục Chính trị	47,5	5	52,5	Không trúng tuyển do điểm vòng 2 dưới 50 điểm